

TOÀ ÁN ND HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG

Bản án số: 08/2023/KDTM -ST

Ngày: 29/9/2023

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN – TỈNH BẮC GIANG

- *Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Luyện;

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Chiến

2. Bà Dương Thị Hoa

- *Thư ký phiên tòa:* ông Nguyễn Xuân Ánh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Văn Công, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 8 và 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST - KDTM ngày 20 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1)

Địa chỉ: H L, phường L, quận Đ, tp Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1996 (Có mặt)

Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ - V1.

Địa chỉ: V1 Chi nhánh H2, đường A, TT Thắng, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* - Ông Giáp Thanh H, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

- Bà Hoàng Thanh Q, sinh năm 1987 (Có mặt tại phiên tòa ngày 29 tháng 8 vắng mặt tại phiên tòa ngày 29 tháng 9 năm 2023)

Địa chỉ: M, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

1. Bà Bùi Thị C1, sinh năm 1964 (Vắng mặt)
2. Anh Giáp Hải Y, sinh năm 1989 (Có mặt tại phiên tòa ngày 29 tháng 8 vắng mặt tại phiên tòa ngày 29 tháng 9 năm 2023)
3. Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1990 (Có mặt tại phiên tòa ngày 29 tháng 8 vắng mặt tại phiên tòa ngày 29 tháng 9 năm 2023)
4. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 2001 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: M, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Ngân hàng Thương mại cổ phần V (viết tắt V1) trình bày: Ông Giáp Thanh H và vợ là bà Hoàng Thị Q1 vay vốn của V1 theo các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau: **Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2204265656060 ký ngày 29/04/2022 và Khế ước nhận nợ kèm theo**

- Hạn mức cho vay: **5.370.000.000 đồng** (Bằng chữ: **Năm Tỷ Ba Trăm Bảy Mươi T./.**);
- Số tiền cho vay: **5.370.000.000 đồng** (Bằng chữ: **Năm Tỷ Ba Trăm Bảy Mươi T./.**);
- Thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho Bên vay;
- Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn kinh doanh ăn uống
- Lãi suất trong hạn:

+ Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là **8,5%/năm**(lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

+ Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 03 tháng kể từ ngày giải ngân (“Thời gian cố định”). Hết thời gian cố định, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau thời gian cố định, sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên. Trường hợp ngày điều chỉnh lãi suất rơi vào ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ theo quy định của V1 thì ngày điều chỉnh lãi suất là ngày làm việc đầu tiên sau ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ đó. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức: Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có TSBD dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng được bên Ngân hàng công bố (được niêm yết tại website: www.V1.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ **4,0%/năm**

- Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất

chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

➤ **Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 11/10/2021**

- Hạn mức đề nghị: **190.000.000 đồng** (Bằng chữ: **Một trăm chín mươi triệu đồng./.**)
- Thời hạn cho vay: 60 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày Bên Ngân hàng giải ngân số tiền vay
- Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm dư nợ tín dụng
- Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do V1 quy định qua từng thời kỳ.
- Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

➤ **Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 17/11/2021**

- Hạn mức đề nghị: **210.000.000 đồng** (Bằng chữ: **Hai trăm mười triệu đồng./.**)
- Thời hạn cho vay: 48 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày Bên Ngân hàng giải ngân số tiền vay
- Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm dư nợ tín dụng
- Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do V1 quy định qua từng thời kỳ.

Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

➤ **Hợp đồng cho vay số LN2203095334661 ký ngày 15/03/2022**

- Số tiền vay: **635.000.000 đồng** (Bằng chữ: **Sáu Trăm Ba Mươi Lăm T./.**);
- Thời hạn vay: 96 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho Bên vay;

- Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu NISSAN, NAVARA 2WD TIÊU CHUẨN, 2.5L, AT, 4x2, Động cơ dầu sản xuất mới 100%;
- Lãi suất trong hạn:
 - + Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là **9.8%/năm**(lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).
 - + Lãi suất cho vay trong hạn được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân (“Thời gian cố định”). Hết thời gian cố định, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh . Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau Thời gian cố định, sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 vào các ngày đầu quý tiếp theo (ngày đầu quý là ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hằng năm). Trường hợp ngày điều chỉnh lãi suất rơi vào ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ theo quy định của V1 thì ngày điều chỉnh lãi suất là ngày làm việc đầu tiên sau ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ đó. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức: Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 96 tháng được bên Ngân hàng công bố (được niêm yết tại website: www.V1.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ **4.1%/năm**
- Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
- **Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là:**
 - Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số **654**, tờ bản đồ số 4, tại địa chỉ: Thôn M, Xã H, Huyện V, Tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 426893, Số vào sổ cấp GCN: CS12218 – SĐC trang 05, Q01/2021 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh B cấp ngày 01/04/2021 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bà Bùi Thị C1. Chi tiết Hợp đồng thế chấp Số 40/HĐTC-2021 ký ngày 08/04/2021.
 - Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 645, tờ bản đồ số 4, tại địa chỉ: Thôn M, Xã H, Huyện V, Tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 959068, Số vào sổ cấp GCN: CH 02279 QĐ số 3617 QĐ-UBND ngày 18/12/2019 sổ địa chính trang số: 100 Quyền số / 2020/TA do UBND huyện V cấp ngày 18/12/2019 mang tên Ông Giáp Thanh H và bà Hoàng Thị Q1. Chi tiết Hợp đồng thế chấp Số 203/HĐTC-2021 ký ngày 30/07/2021.
 - 01 Xe ô tô nhãn hiệu NISSAN, NAVARA 2WD TIÊU CHUẨN, 2.5L, AT, 4x2, Động cơ dầu, Biển số đăng ký: 98C-266.03, có số khung:

MNTCCAD23Z0004030, số máy: YD25972269T; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 98 023363 do Phòng CSGT Công an Tỉnh B cấp ngày 17/03/2022 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Giáp Thanh H, bà Hoàng Thị Q1. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản Thế chấp. Chi tiết hợp đồng thế chấp Số **LN2203095334661** ký ngày 15/03/2022.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng trên, Ông Giáp Thanh H và vợ là bà Hoàng Thị Q1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 15/09/2022 đối với V1 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng.

Tạm tính đến ngày **31/01/2023**, Ông Giáp Thanh H và vợ là bà Hoàng Thị Q1 còn nợ V1 tổng số tiền là:

- Nợ gốc: 6,262,866,749 đồng
- Nợ lãi: 344,895,253 đồng
- Phí phạt: 6,429,825 đồng
- Thẻ tín dụng: 80,757,678 đồng
- **Tổng cộng: 6,694,949,505 đồng**

(Bằng chữ: Sáu tỷ, sáu trăm chín mươi bốn triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm linh lăm đồng./.)

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Ông Giáp Thanh H và vợ là bà Hoàng Thị Q1 phải thanh toán cho V1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên. Tạm tính đến ngày **31/01/2023** khoản tiền này là: Nợ gốc: 6,262,866,749 đồng, Nợ lãi 344,895,253 đồng, Phí phạt: 6,429,825 đồng, Thẻ tín dụng: 80,757,678 đồng, **Tổng cộng: 6,694,949,505 đồng** *(Bằng chữ: Sáu tỷ, sáu trăm chín mươi bốn triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm linh lăm đồng./.)*

Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến ngày thực tế Ông Giáp Thanh H và vợ là bà Hoàng Thị Q1 thanh toán hết nợ cho V1.

Yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là:

+ Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 654, tờ bản đồ số 4, tại địa chỉ: Thôn M, Xã H, Huyện V, Tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 426893, Sổ vào sổ cấp GCN: CS12218 – SĐC trang 05, Q01/2021 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh B cấp ngày 01/04/2021 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bà Bùi Thị C1. Chi tiết Hợp đồng thế chấp Số 40/HĐTC-2021 ký ngày 08/04/2021

+ Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 645, tờ bản đồ số 4, tại địa chỉ: Thôn M, Xã H, Huyện V, Tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

số CV 959068, Sổ vào sổ cấp GCN: CH 02279 QĐ số 3617 QĐ-UBND ngày 18/12/2019 sổ địa chính trang số: 100 Quyền số / 2020/TA do UBND huyện V cấp ngày 18/12/2019 mang tên Ông Giáp Thanh H và bà Hoàng Thị Q1. Chi tiết Hợp đồng thế chấp Số 203/HĐTC-2021 ký ngày 30/07/2021.

- V1 có quyền thu giữ, tự xử lý hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản của Ông Giáp Thanh H và vợ là bà Hoàng Thị Q1 để thu hồi nợ cho V1, trong đó có tài sản bảo đảm là: 01 Xe ô tô nhãn hiệu NISSAN, NAVARA 2WD TIÊU CHUẨN, 2.5L, AT, 4x2, Động cơ dầu, Biển số đăng ký: 98C-266.03, có số khung: MNTCCAD23Z0004030, số máy: YD25972269T; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 98 023363 do Phòng CSGT Công an Tỉnh B cấp ngày 17/03/2022 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Giáp Thanh H, bà Hoàng Thị Q1. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản Thế chấp. Chi tiết hợp đồng thế chấp Số **LN2203095334661** ký ngày 15/03/2022.

Lời khai của bị đơn chị Hoàng Thị Q1, anh Giáp Thanh H và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thể hiện:

- **Thứ nhất**, vợ chồng ông Giáp Thanh H, bà Hoàng Thị Q1 đã nhận được đơn khởi kiện của phía nguyên đơn gửi cho qua đường bưu điện.

- **Thứ hai**, vợ chồng ông Giáp Thanh H, bà Hoàng Thị Q1 đã nhận được thông báo thụ lý vụ án số 03/2023/TLST – KDTM ngày 20/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

- **Thứ ba**, ý kiến của ông Giáp Thanh H, bà Hoàng Thị Q1 về yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn như sau:

Ông Giáp Thanh H, bà Hoàng Thị Q1 xác nhận có ký hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP V. Các hợp đồng vay ông H, bà Q1 không lưu giữ đầy đủ. Tuy nhiên, ông H, bà Q1 có nhớ được các số tiền đã vay gồm:

+ **Vay số tiền 5.370.000.000 đồng** (Năm tỷ ba trăm bảy mươi triệu đồng). Tài sản đảm bảo gồm:

Thửa đất 1: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 654, tờ bản đồ số 4, địa chỉ thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang đã được cấp GCNQSD đất số DB 426893, sổ vào sổ cấp GCNQSD đất CS 12218 - SĐC trang 05, Q 01/2021 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh B ngày 01/04/2021 cấp mang tên bà Bùi Thị C1.

Thửa đất 2: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 645, tờ bản đồ số 4, địa chỉ thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang đã được cấp GCNQSD đất số CV 959068, sổ vào sổ cấp GCNQSD đất CH 02279 QĐ số 3617 QĐ - UBND ngày 18/12/2019 sổ địa chính trang số 100 do UBND huyện V cấp ngày 18/12/2019 cấp mang tên ông Giáp Thanh H và bà Hoàng Thị Q1.

+ **Vay số tiền: 635.000.000 đồng** (*Sáu trăm ba mươi lăm triệu đồng*). Tài sản đảm bảo là 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu NISSAN, NAVARA 2WD tiêu chuẩn 2,5L, AT, 4x2, động cơ dầu, biển số đăng ký 98 C – 266 03 có số khung MNTCCAD23Z0004030, số máy YD25972269T thuộc quyền sở hữu của ông Giáp Thanh H và bà Hoàng Thị Q1.

+ Vay số tiền: 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng)

+ Vay số tiền: 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng)

Đã thực hiện trả một phần gốc lãi trong năm 2022.

Số tiền vay được từ phía Ngân hàng ông Giáp Thanh H và bà Hoàng Thị Q1 thực hiện việc đầu tư để kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống tại địa chỉ số nhà A đường H, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Tuy nhiên, sau khi dịch bệnh covid được kiểm soát, các cơ sở kinh doanh mở cửa trở lại khá nhiều; tỷ lệ cạnh tranh cao. Việc kinh doanh tại số A Hồ N, phường K, Tp B, tỉnh Bắc Ninh lượng khách giảm sút. Vì vậy, vợ chồng ông bà Hoàn Q2 có thực hiện việc mua sắm trang thiết bị và mở thêm cơ sở kinh doanh tại địa chỉ M, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Song cơ sở mới đi vào hoạt động chưa ổn định, chi phí đầu tư nhiều nên chưa có lãi. Gần đây sức khỏe của bà Q2 rất yếu. Từ ngày 28/11/2022 – ngày 05/12/2022, bà Q2 phải nhập viện Ung Bướu H để điều trị lạc nội mạc tử cung trong cơ tử cung gây đau bụng + rong huyết (D25). Phương pháp điều trị phẫu thuật, giảm đau, chống viêm, kháng sinh. Do đó, gia đình tốn rất nhiều tiền bạc. Chính vì lý do trên mà vợ chồng ông H, bà Q2 chậm trễ trong việc trả lãi cho quý ngân hàng. Ông bà Hoàn Q2 đã nhiều lần trình bày và có văn bản gửi đến quý ngân hàng nói về khó khăn và xin được gia hạn thời gian để trả nợ.

Đến nay, ngân hàng khởi kiện vợ chồng ông H bà Q2 phải thanh toán tổng số tiền tạm tính đến 31/01/2023:

Nợ gốc: 6,262,866,749 đồng.

Nợ lãi: 344,895,253 đồng

Phí phạt: 6, 429,825 đồng

Thẻ tín dụng: 80,757,678 đồng

Tổng cộng: 6,694,949,505 đồng

(*Bằng chữ: Sáu tỷ, sáu trăm chín mươi bốn triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm linh năm đồng*)

Ông H, bà Q2 có ý kiến như sau:

- Ông bà Hoàn Quỳnh vẫn mong muốn được tiếp tục vay ngân hàng. Về tiền trả lãi ông bà mong muốn và đề nghị quý Ngân hàng và quý Tòa án xem xét cho ông bà Hoàn Q2 có thêm thời gian để thu xếp trả nợ.

- Về chiếc xe ô tô NISSAN, NAVARA 2WD tiêu chuẩn 2,5L, AT, 4x2, động cơ dầu, biển số đăng ký 98 C – 266 03 có số khung MNTCCAD23Z0004030, số máy YD25972269T thuộc quyền sở hữu của ông Giáp Thanh H và bà Hoàng Thị Q1. Tài sản đảm bảo cho khoản vay **635.000.000 đồng** (Sáu trăm ba mươi lăm triệu đồng) hiện tại ông H, bà Q1 không quản lý sử dụng mà đã cho mượn, chưa trả lại ông H, bà Q1.

Bà Bùi Thị C1 trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Giáp Thanh H là mẹ chồng của chị Hoàng Thị Q1. Anh H, chị Q1 có vay vốn của Ngân hàng V2 bà không rõ là bao nhiêu, tài sản bảo đảm cho khoản vay này là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 654, tờ bản đồ số 4, thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số dB 426893, cấp ngày 01/4/2021 mang tên Bùi Thị C1, bà C1 tự nguyện dùng tài sản trên cho anh H và chị Q1 vay tiền, nay ngân hàng khởi kiện bà đề nghị cho thêm thời gian để trả nợ, nếu không trả được nợ bà đồng ý phát mãi tài sản này để trả nợ.

Chị Hoàng Thị N trình bày chị vợ anh Giáp Hải Y, là con dâu bà Bùi Thị C1, vợ chồng chị hiện đang sinh sống tại thửa đất số 645, tờ bản đồ số 4, thôn M, xã H, đang là tài sản thế chấp với Ngân hàng V2, nguồn gốc thửa đất này là do năm 2010 bà Bùi Thị C1 cho vợ chồng chị làm nhà và đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là anh Giáp Hải Y, nay chị không đồng ý Ngân hàng phát mãi tài sản này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật; Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Nguyên đơn: Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 158, Điều 217, Điều 218, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 295, Điều 299, Điều 317, khoản 3 Điều 318, Điều 320, Điều 463, Điều 466, Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi năm 2017; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; Điều 2 Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Giáp Thanh H và chị Hoàng Thị Q1 phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số **7,167,036,452 đồng** (Bằng chữ: Bảy tỷ, một trăm sáu mươi bảy triệu, không trăm ba mươi sáu nghìn, bốn trăm năm mươi hai đồng). Trong đó: tổng nợ gốc:

5,730,342,395 đồng; lãi trong hạn: 132,877,436 đồng; lãi quá hạn: 1,290,238,843 đồng; lãi chậm trả: 13,577,778 đồng

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bên phải thi hành án không thanh toán hết số tiền phải thanh toán thì bên được thi hành án có quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số **654**, tờ bản đồ số **4**, tại địa chỉ: Thôn M, Xã H, Huyện V, Tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 426893, Sổ vào sổ cấp GCN: CS12218 – SĐC trang 05, Q01/2021 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh B cấp ngày 01/04/2021 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bà Bùi Thị C1. (Hợp đồng thế chấp Số 40/HĐTC-2021 ký ngày 08/04/2021), tài sản trên đất gồm: Trên diện tích đất có 01 nhà bốn tầng tổng diện tích sàn 371,5m² mái vẩy trước diện tích 73,08m², mái vẩy sau diện tích 15,62m².

- Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số **645**, tờ bản đồ số **4**, tại địa chỉ: Thôn M, Xã H, Huyện V, Tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 959068, Sổ vào sổ cấp GCN: CH 02279 QĐ số 3617 QĐ-UBND ngày 18/12/2019 sổ địa chính trang số: 100 Quyền số / 2020/TA do UBND huyện V cấp ngày 18/12/2019 mang tên Ông Giáp Thanh H và bà Hoàng Thị Q1. (Hợp đồng thế chấp Số 203/HĐTC-2021 ký ngày 30/07/2021), và các tài sản trên đất gồm: Trên đất có 01 nhà hai tầng diện tích sàn là 144m²; mái vẩy trước diện tích 27,9m², mái vẩy sau diện tích 39,6m²

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu khởi kiện: 02 khoản vay theo **Hợp đồng cho vay số: LN2203095334661 ngày 15/03/2022 (mã khoản vay LD2207700338)** và **Hợp đồng thế tín dụng số: 376-P-2298150 ngày 25/03/2020; yêu cầu đối xử lý tài sản thế chấp là: 01 Xe ô tô nhãn hiệu NISSAN, NAVARA 2WD TIÊU CHUẨN, 2.5L, AT, 4x2, Động cơ dầu, Biển số đăng ký: 98C-266.03, có số khung: MNTCCAD23Z0004030, số máy: YD25972269T; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 98 023363 do Phòng CSGT Công an Tỉnh B cấp ngày 17/03/2022.**

Án phí: Anh Giáp Thanh H và chị Hoàng Thị Q1 phải chịu 115.167.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 57.347.474đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006805 ngày 20/02/2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang thu.

Về chi phí thẩm định: Anh Giáp Thanh H và chị Hoàng Thị Q1 phải chịu 3.000.000đ chi phí thẩm định tại chỗ, Ngân hàng V2 được nhận lại số tiền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã nhiều lần Thông báo cho bị đơn, người liên quan đến Tòa án làm việc nhưng bị đơn, người liên quan không đến Tòa. Tại phiên tòa bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền gốc **7,051,684,987 đồng** (Bằng chữ: Bảy tỷ, không trăm năm mươi một triệu, sáu trăm tám mươi bốn nghìn, chín trăm tám mươi bảy đồng). Trong đó: tổng nợ gốc: 5,730,342,395 đồng; lãi trong hạn: 132,877,436 đồng; lãi quá hạn: 1,176,015,926 đồng; lãi chậm trả: 12,449,230 đồng.

Tòa án thấy rằng: Theo các Hợp đồng tín dụng ký kết với V1 thì bà Hoàng Thị Q1 và chồng là ông Giáp Thanh H vay của Ngân hàng tổng số tiền là: **6,415,000,000 đồng** (bằng chữ: Sáu tỷ, bốn trăm mười năm triệu đồng). Tổng số 6 Hợp đồng. Cụ thể như sau:

- **Khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2204265656060 ký ngày 29/04/2022 và Khế ước nhận nợ ngày 05/05/2022 (mã hợp đồng LD2212500562).**

+Số tiền vay: 5,370,000,000 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ, ba trăm bảy mươi triệu đồng).

+Thời hạn vay: 12 tháng. Kể từ ngày giải ngân ngày 05/05/2022 đến ngày 05/05/2023.

+Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn kinh doanh dịch vụ ăn uống.

+Lãi suất trong hạn: Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 8.5%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 03 tháng kể từ ngày giải ngân (“Thời gian cố định”). Hết thời gian cố định, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ: 01 tháng/01 lần theo Hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức: Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có TSBĐ dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng được bên Ngân hàng công bố (được niêm yết tại website: www.V1.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ **4,0%/năm**.

+Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn.

+Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

+Ngày chuyển nợ quá hạn: **15/09/2022**.

- **Khoản vay theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 11/10/2021 (mã hợp đồng LD2129100798).**

- +Hạn mức đề nghị: 190,000,000 đồng (Bằng chữ: *Một trăm chín mươi triệu đồng*)
- +Số tiền V1 chấp thuận cho vay: 125,000,000 đồng (Bằng chữ: *Một trăm hai mươi năm triệu đồng*).
- +Thời hạn vay: 60 tháng. Kể từ ngày giải ngân ngày 18/10/2021 đến ngày 10/10/2026.
- +Mục đích sử dụng vốn vay: mua đồ gia dụng.
- +Lãi suất trong hạn: Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 20%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ: 03 tháng/01 lần theo biểu lãi suất cho vay do V1 quy định qua từng thời kỳ.
- +Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn.
- +Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả
- +Ngày chuyển nợ quá hạn: **10/11/2022**
- ***K vay theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số: LN2111254770964 ngày 17/11/2021 (mã hợp đồng LD2133000709).***
- +Số tiền vay: 210,000,000 đồng (Bằng chữ: *Hai trăm mười triệu đồng*).
- +Thời hạn vay: 48 tháng. Kể từ ngày giải ngân ngày 18/10/2021 đến ngày 10/10/2026.
- +Mục đích sử dụng vốn vay: mua đồ gia dụng.
- +Lãi suất trong hạn: Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 40%/năm, lãi suất được cố định.
- +Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn.
- +Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
- +Ngày chuyển nợ quá hạn: **04/11/2022.**
- ***Khoản vay theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 07/08/2020 (mã Hợp đồng thẻ tín dụng số: 376-P-5963490 ngày 22/08/2020).***
- +Hạn mức: 65,000,000 đồng (Bằng chữ: *Sáu mươi năm triệu đồng*).
- +Loại thẻ: MC Platinum Credit.
- +Ngày mở thẻ: 22/08/2020.

+Mục đích: tiêu dùng thẻ tín dụng.

+Lãi suất: theo quy định của V1.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Hoàng Thị Q1 và ông Giáp Thanh H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ các khoản vay nêu trên bị chuyển sang nợ quá hạn (nợ xấu) từ ngày **15/09/2022**. Ngân hàng chúng tôi nhiều lần gọi điện, đơn đốc, tạo điều kiện. Tuy nhiên, bà Hoàng Thị Q1 và ông Giáp Thanh H vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ.

Đến nay anh H, chị Q1 còn nợ số tiền đến ngày 29/09/2023, tổng dư nợ của 04 khoản vay còn lại là: **7,167,036,452 đồng** (*Bằng chữ: Bảy tỷ, một trăm sáu mươi bảy triệu, không trăm ba mươi sáu nghìn, bốn trăm năm mươi hai đồng*). Trong đó: tổng nợ gốc: 5,730,342,395 đồng; lãi trong hạn: 132,877,436 đồng; lãi quá hạn: 1,290,238,843 đồng; lãi chậm trả: 13,577,778 đồng. *Cụ thể như sau:*

STT	Mã khoản vay	Ngày vay/ngày giải ngân	Gốc phải trả	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	Lãi chậm trả	Tổng cộng
1	LD2212 500562	18/10/2021	108,268,594	5,584,860	27,983,070	495,752	142,332,276
2	LD2133 000709	05/05/2022	5,370,000,000	114,856,927	1,141,450,811	11,957,707	6,638,265,445
3	LD2129 100798	26/11/2021	189,315,692	12,435,649	96,150,660	1,124,319	299,026,320
4	376-P-5963490	22/08/2020	62,758,109	0	24,654,302	0	87,412,411
Tổng cộng			5,730,342,395	132,877,436	1,290,238,843	13,577,778	7,167,036,452

Phía bị đơn ông Giáp Thanh H và bà Hoàng Thị Q1 thừa nhận có vay và còn nợ số nợ này do đó yêu cầu của Ngân hàng V1 là có căn cứ theo các Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự do đó cần buộc anh H, chị Q1 trả Ngân hàng V2 số **7,167,036,452 đồng** (*Bằng chữ: Bảy tỷ, một trăm sáu mươi bảy triệu, không trăm ba mươi sáu nghìn, bốn trăm năm mươi hai đồng*). Trong đó: tổng nợ gốc: 5,730,342,395 đồng; lãi trong hạn: 132,877,436 đồng; lãi quá hạn: 1,290,238,843 đồng; lãi chậm trả: 13,577,778 đồng (*Có bảng tính lãi kèm theo Bản án*)

Đối với 02 khoản vay theo Hợp đồng cho vay số: LN2203095334661 ngày 15/03/2022 (mã khoản vay LD2207700338) và Hợp đồng thẻ tín dụng số: 376-P-2298150 ngày 25/03/2020. Dư nợ đề nghị rút yêu cầu khởi kiện đối với 02 Hợp đồng trên là: 700,486,576 đồng. Trong đó: nợ gốc: 604,213,246 đồng; nợ lãi: 95,512,663 đồng; lãi chậm trả: 760,667 đồng. Rút yêu cầu đối xử lý tài sản thế chấp là: 01 Xe ô tô nhãn hiệu NISSAN, NAVARA 2WD TIÊU CHUẨN, 2.5L, AT, 4x2, Động cơ dầu, Biển số đăng ký: 98C-266.03, có số khung: MNTCCAD23Z0004030, số máy: YD25972269T; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 98 023363 do Phòng CSGT

Công an Tỉnh B cấp ngày 17/03/2022 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Giáp Thanh H, bà Hoàng Thị Q1. V1 đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện với dư nợ hai khoản vay này sẽ đề nghị giải quyết trong vụ án khác. Do vậy Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về hợp đồng thế chấp: Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 654, tờ bản đồ số 4, tại địa chỉ: Thôn M, Xã H, Huyện V, Tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 426893, Sổ vào sổ cấp GCN: CS12218 – SĐC trang 05, Q01/2021 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh B cấp ngày 01/04/2021 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bà Bùi Thị C1. (Hợp đồng thế chấp Số 40/HĐTC-2021 ký ngày 08/04/2021).

- Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 645, tờ bản đồ số 4, tại địa chỉ: Thôn M, Xã H, Huyện V, Tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 959068, Sổ vào sổ cấp GCN: CH 02279 QĐ số 3617 QĐ-UBND ngày 18/12/2019 sổ địa chính trang số: 100 Quyền số / 2020/TA do UBND huyện V cấp ngày 18/12/2019 mang tên Ông Giáp Thanh H và bà Hoàng Thị Q1. (Hợp đồng thế chấp Số 203/HĐTC-2021 ký ngày 30/07/2021).

[4] Xét yêu cầu của Ngân hàng V1 yêu cầu xử lý tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng hợp đồng thế chấp nêu trên đều đáp ứng đầy đủ nội dung và hình thức theo quy định tại Điều 500, Điều 501, Điều 502 Bộ luật dân sự, các bên ký kết đều hoàn toàn tự nguyện, hợp đồng đã được công chứng thực tại Văn phòng C2, được đăng ký thế chấp tại cơ quan nhà có thẩm quyền. Như vậy các hợp đồng thế chấp đã có hiệu lực theo quy định tại Điều 188 Luật đất đai và Điều 503 Bộ luật dân sự.

Tại điểm b khoản 1 Điều 6 Hợp đồng thế chấp quy định trường hợp bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì bên Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, chính vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng xử lý tài sản bảo đảm để bảo đảm thi hành án là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 299 Bộ luật dân sự.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên xác định: Kết quả thẩm định như sau: Thửa đất số 654, tờ bản đồ số 04 diện tích 221,6m². Trên diện tích đất có 01 nhà bốn tầng tổng diện tích sàn 371,5m²; mái vẩy trước diện tích 73,08m², mái vẩy sau diện tích 15,62m².

Thửa đất số 645 tờ bản đồ số 4 diện tích 142,3m². Trên đất có 01 nhà hai tầng diện tích sàn là 144m²; mái vẩy trước diện tích 27,9m², mái vẩy sau diện tích 39,6m². Do đó trường hợp chị Q1, anh H không thanh toán hết số tiền phải thanh toán thì phía Ngân hàng có quyền phát mại tài sản để bảo đảm thi hành án.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng không

phải chịu tiền án phí, chị Q1, anh H phải chịu án phí.

Về chi phí thẩm định yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên không phải chịu chi phí thẩm định, chị Q1, anh H phải chịu chi phí thẩm định số tiền là 3.000.000đ

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158 Điều 217, Điều 218, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 295, Điều 299, Điều 317, khoản 3 Điều 318, Điều 320, Điều 463, Điều 466, Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi năm 2017; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; Điều 2 Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Giáp Thanh H và chị Hoàng Thị Q1 phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V tính đến ngày 29/9/2023 số tiền là **7,167,036,452** đồng (*Bằng chữ: Bảy tỷ, một trăm sáu mươi bảy triệu, không trăm ba mươi sáu nghìn, bốn trăm năm mươi hai đồng*). Trong đó: tổng nợ gốc: 5,730,342,395 đồng; lãi trong hạn: 132,877,436 đồng; lãi quá hạn: 1,290,238,843 đồng; lãi chậm trả: 13,577,778 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bên phải thi hành án không thanh toán hết số tiền phải thanh toán thì bên được thi hành án có quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số **654**, tờ bản đồ số **4**, tại địa chỉ: Thôn M, Xã H, Huyện V, Tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 426893, Sổ vào sổ cấp GCN: CS12218 – SĐC trang 05, Q01/2021 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh B cấp ngày 01/04/2021 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bà Bùi Thị C1. (Hợp đồng thế chấp Số 40/HĐTC-2021 ký ngày 08/04/2021), tài sản trên đất gồm: Trên diện tích đất có 01 nhà bốn tầng tổng diện tích sàn 371,5m² mái vẩy trước diện tích 73,08m², mái vẩy sau diện tích 15,62m².

- Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số **645**, tờ bản đồ số **4**, tại địa chỉ: Thôn M, Xã H, Huyện V, Tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV

959068, Sổ vào sổ cấp GCN: CH 02279 QĐ số 3617 QĐ-UBND ngày 18/12/2019 số địa chính trang số: 100 Quyền số / 2020/TA do UBND huyện V cấp ngày 18/12/2019 sang tên ông Giáp Thanh H và bà Hoàng Thị Q1. (Hợp đồng thế chấp Số 203/HĐTC-2021 ký ngày 30/07/2021), và các tài sản trên đất gồm: Trên đất có 01 nhà hai tầng diện tích sàn là 144m²; mái vẩy trước diện tích 27,9m², mái vẩy sau diện tích 39,6m²

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu khởi kiện: 02 khoản vay theo Hợp đồng cho vay số: LN2203095334661 ngày 15/03/2022 (mã khoản vay LD2207700338) và Hợp đồng thế tín dụng số: 376-P-2298150 ngày 25/03/2020; yêu cầu đối xử lý tài sản thế chấp là: 01 Xe ô tô nhãn hiệu NISSAN, NAVARA 2WD TIÊU CHUẨN, 2.5L, AT, 4x2, Động cơ dầu, Biển số đăng ký: 98C-266.03, có số khung: MNTCCAD23Z0004030, số máy: YD25972269T; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 98 023363 do Phòng CSGT Công an Tỉnh B cấp ngày 17/03/2022.

Án phí: Anh Giáp Thanh H và chị Hoàng Thị Q1 phải chịu 115.167.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 57.347.474đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006805 ngày 20/02/2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang thu.

Về chi phí thẩm định: Anh Giáp Thanh H và chị Hoàng Thị Q1 phải chịu 3.000.000đ chi phí thẩm định tại chỗ, Ngân hàng V2 được nhận lại số tiền này.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo thủ tục tố tụng dân sự./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- Lưu HS./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Luyện

